

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2837/QĐ-ĐHKTQD ngày 21 tháng 11 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG/BACHELOR OF FINANCE AND BANKING ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
MÃ NGÀNH/CODE:	7340201
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	HỌC TỪ XA/ DISTANCE EDUCATION
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; sử dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng để có thể giải quyết các công việc phức tạp ở mức độ tổ chức (ngân hàng và tổ chức tài chính, doanh nghiệp); có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức và có thể học tập ở trình độ cao hơn đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:*

Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có nhiều cơ hội nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, tổ chức với môi trường làm việc năng động, quốc tế, gồm: (i) Các ngân hàng trong và ngoài nước như ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã; (ii) Các định chế

tài chính trung gian như công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán; (iii) Các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính - Ngân hàng từ trung ương đến địa phương như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ/Sở Tài chính; Bộ/ Sở Kế hoạch Đầu tư; (iv) Các Viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước; (v) Các doanh nghiệp, tổng công ty, tập đoàn kinh doanh.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Kiến thức chuyên sâu về quản trị và nghiệp vụ ngân hàng	CĐR 1
	Kiến thức chuyên sâu về quản trị và nghiệp vụ tài chính doanh nghiệp	CĐR 2
	Kiến thức chung về lĩnh vực tài chính ngân hàng, kiến thức pháp luật về hoạt động tài chính ngân hàng	CĐR 3
	Vận dụng lý thuyết và mô hình phân tích để giải quyết vấn đề, ra quyết định quản lý và đề xuất các giải pháp để cải thiện hoạt động của tổ chức nơi làm việc.	CĐR 4
	Kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý;	CĐR 5
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề kinh tế tài chính ngân hàng	CĐR 6
	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	CĐR 7
	Kỹ năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về Tài chính - Ngân hàng, xã hội, kinh doanh;	CĐR 8
	Kỹ năng làm việc theo nhóm	CĐR 9
	Kỹ năng giao tiếp	CĐR 10
CĐR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học theo Quyết định số 723/QĐ-ĐHKTQD ngày 17/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 11
CĐR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 2359/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 12
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn tài chính ngân hàng	CĐR 13
	Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	CĐR 14
	Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở cấp độ tổ chức/đơn vị chức năng (phòng, ban)	CĐR 15

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 131 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo Quy chế tuyển sinh đại học và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ từ xa theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.16. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.17. Các học phần của Trường	12	08 học phần chung của Trường
1.18. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	5 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	44	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	131	Không kể GDQP&AN, GDTC, Phát triển kỹ năng cá nhân và Nhập môn internet&Elearning

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/20 đợt học, mỗi đợt học 6-7 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Tài chính Ngân hàng)		Mã HP	Số TC	Đợt học (dự kiến)	Mã HP Tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	III	LLNL1105
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III	LLNL1105
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	VI	LLNL1105
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	VII	LLNL1105
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	IV	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	II	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	II	
	1.3. Các học phần của ngành (cùng lĩnh vực)			12		
11	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT 1101	3	VII	KHMA1101
12	2	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	VIII	KHMA1101
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	VIII	KHMA1101
14	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics For Business And Economics	TKKD1129	3	VIII	KHMA1101

		2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		87		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành (cùng nhóm ngành)		15		
15	1	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1	NHTC1104	3	IX	NHLT 1101
16	2	Ngân hàng thương mại 1 Commercial Bank 1	NHTM1102	3	IX	NHLT 1101
17	3	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1114	3	XII	NHTM1102 TOKT1145
18	4	Nguyên lý bảo hiểm Insurance Principles	BHKT1118	3	IX	NHLT 1101
19	5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	IV	KHMA1101
		2.2. Kiến thức ngành		44		
		2.2.1 Các học phần bắt buộc		29		
20	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 Monetary and Financial Theories 2	NHLT1103	3	X	NHLT 1101
21	2	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3	X	NHLT 1101
22	3	Tài chính quốc tế 1 International Finance 1	NHQT1102	3	XI	NHLT 1101
23	4	Thị trường chứng khoán 1 Stock Market 1	NHCK1102	3	XI	NHLT 1101
24	5	Ngân hàng thương mại 2 Commercial Bank 2	NHTM1111	3	XII	NHTM1102
25	6	Tài chính doanh nghiệp 2 Corporate Finance 2	NHTC1110	3	XIII	NHTC1104
26	7	Phân tích và đầu tư chứng khoán Securities Analysis and Investment	NHCK1106	3	XIII	NHLT 1101
27	8	Đề án Lý thuyết tài chính tiền tệ Course Project of Monetary and Financial Theories	NHLT1104	2	XIV	NHLT 1103
28	9	Quản trị Marketing Marketing Management	MKMA1110	3	IX	KHMI1101
29	10	Quản lý thuế Tax Management	NHCO1121	3	XIV	NHCO1107
		2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)		15		
30	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	V	KHMA1101
31	2	Đại số Algebra	TOCB1101	3	V	
	3	Kinh doanh quốc tế	TMKD1128	3	XV	KHMA1101

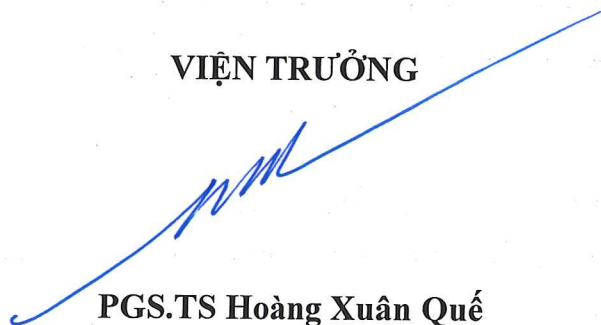
32		International Business				
33	4	Quản trị chất lượng dịch vụ Service Quality Management	QTCL1105	3	XV	NHTM1102
34	5	Quản trị quan hệ khách hàng Customer Relationship Management	MKBH1109	3	XIX	
	6	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	XIX	NHTM1102
	7	Kế toán quản trị Cost Accounting	KTQT1108	3	XVI	KTKE1101
	8	Giao tiếp kinh doanh Business Communications	QTVH1109	3	VI	KHMA1101
	9	Hệ thống thông tin quản lý Management information system	TIHT1102	3	XVII	KHMA1101
	10	Nghiên cứu kinh doanh Business Research	QTKD1131	3	XVII	KHMA1101
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
35	1	Thẩm định tài chính dự án Project Evaluation	NHTC1112	3	XVIII	NHTC1104
36	2	Chứng khoán phái sinh Derivatives	NHCK1116	3	XIX	NHCK1102
37	3	Thị trường chứng khoán nợ Fixed Income Securities Market	NHCK1118	3	XIX	NHCK1102
38	4	Tiếng Anh ngành Tài chính Ngân hàng English for Banking and Finance	NHTM1103	3	XVI	NHLT 1101
39	5	Chuyên đề Marketing Ngân hàng Banking Services Marketing	NHTM1108	3	XIX	NHTM1102
40	6	Phân tích tài chính Financial Analysis	NHTC1108	3	XIX	NHTC1104
	7	Thuế quốc tế International Taxation	NHCO1113	3	XIX	NHCO1107
	8	Đầu tư quốc tế International Investment	NHQT1106	3	XIX	NHQT1107
	9	Tài chính công ty đa quốc gia Multinational Business Finance	NHQT1109	3	XVIII	NHQT1107
	10	Thanh toán quốc tế International settlement	NHQT1112	3	XIX	NHQT1107
	11	Ngân hàng trung ương Central Banking	NHLT1106	3	XIX	NHLT1103
	12	Tài chính cá nhân Personal Finance	NHLT1119	3	XIX	NHTM1102
41	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		NHTC	10	XX	Theo Quy chế đào tạo

	Tổng số tín chỉ	131		
--	------------------------	------------	--	--

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 05 đợt học, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong đợt 1, các đợt học sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng đợt học, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS Hoàng Xuân Quế

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương